

**BẢNG ĐIỂM****Lớp : Tài chính - Ngân hàng 2 - K13**Môn thi: **Nguyên lý thống kê**Lần thi: **1**Giám thị 1: D. Minh Đại Ký tên: ellonHọc kỳ: **1** Năm học: **2012 - 2013**Ngày thi: 26-11Giám thị 2: Ng. Dương Ký tên: h2

Cán bộ giảng dạy: _____

Phòng thi: A1.9Giám thị 3: M. Grang Ký tên: thanTổng số bài: 13 (A1.9) + 52 (A1.12)

Số tờ: _____

Giám thị 4: M. Grang Ký tên: V. PhươngΣ: 95

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS: 20%	Thi TS: 80%		
1	1110140053	Bùi Thị Hồng	Hạnh	04/5/1993	<u>hạnh</u>	10	6	8	Bảy
2	1110140116	Huỳnh Thị Phương	Dung	04/12/1993	<u>Dung</u>	10	8	8	Tám
3	1110140117	Lâm Mỹ	Huyền	05/11/1993	<u>Huyền</u>	5	5	5	Năm
4	1110140119	Lương Mỹ	Linh	30/12/1992	<u>linh</u>	10	5	6,5	Sáu Rưỡi
5	1110140120	Hồ Thị Giảng	Linh	17/07/1993	<u>glinh</u>	9	5	6	Sáu
6	1110140121	Trần Trúc	Linh	23/05/1993	<u>Trúc</u>	10	9	9,5	Chín Rưỡi
7	1110140122	Trần Tuấn	Linh	31/07/1992	<u>Tấn</u>	8	3,5	5	Năm
8	1110140123	Trương Thị Thủy	Linh	22/03/1992	<u>th</u>	6	5	5,5	Năm Rưỡi
9	1110140125	Huỳnh Nguyễn Phương Loan		12/11/1993	<u>huynh</u>	8	4	5	Năm
10	1110140126	Lê	Long	21/05/1992	<u>Long</u>	8	6	6,5	Sáu Rưỡi
11	1110140127	Lương Việt	Long	23/11/1993	<u>Việt</u>	9	4	5,5	Năm Rưỡi
12	1110140128	Hồ Thị Tuyết	Mai	01/01/1993	<u>hồ</u>	10	4	6	Sáu
13	1110140129	Đào Thị Xuân	Mai	30/03/1993	<u>Đào</u>	9	8	8,5	Tám Rưỡi
14	1110140131	Phan Thị Trà	Mi	06/11/1992	<u>Phan</u>	9	8	8,5	Tám Rưỡi
15	1110140133	Phan Quốc	Minh	06/05/1991	<u>quoc</u>	8	5	5,5	Năm Rưỡi
16	1110140135	Lê Hoàng Diễm	My	07/11/1993	<u>My</u>	9	10	9,5	Chín Rưỡi
17	1110140136	Triệu Nữ Đa	My	03/05/1993	<u>Triệu</u>	10	9	9,5	Chín Rưỡi
18	1110140137	Trần Thị	Nam	16/06/1993	<u>Nam</u>	10	8	8	Tám
19	1110140138	Võ Việt Hoàng	Nam	03/07/1993	<u>Võ</u>	9	6	8	Bảy
20	1110140139	Trần Lê Hồng	Đào	07/11/1993	<u>hồng</u>	8	8	8,5	Bảy Rưỡi
21	1110140140	Phạm Thị	Nên	07/09/1993	<u>Phạm</u>	8	8	8	Bảy
22	1110140141	Trần Thị Thanh	Nga	15/12/1993	<u>Thanh</u>	9	8	8,5	Tám Rưỡi
23	1110140142	Đoàn Ưông Ngọc Kim Ngân		30/05/1993	<u>ngân</u>	8	5	6	Sáu
24	1110140144	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	06/10/1993					
25	1110140146	Trần Huỳnh Bảo	Ngân	25/09/1993	<u>ngân</u>	8	6	6,5	Sáu Rưỡi

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
26	1110140148	Nguyễn Đoàn Quý	Ngân	09/04/1993	<i>Quân</i>	10	6	7	Bay
27	1110140149	Đinh Thị	Ngát	24/06/1992	<i>Ngát</i>	10	7	8	Tam
28	1110140150	Nguyễn Mai Phương	Nghi	19/10/1993	<i>Phuong</i>	9	8	8,5	Tam Rút
29	1110140151	Nguyễn Hoàng Bảo	Nghiêm	09/05/1993	<i>Nghiem</i>	9	6	7	Bay
30	1110140152	Võ Tính	Nghĩa	09/11/1993	<i>Tinh</i>	10	3	5	Nam
31	1110140153	Nguyễn Thị Như	Ngọc	1993	<i>Anh</i>	9	6	7	Bay
32	1110140154	Đặng Thị	Ngọc	05/06/1993	<i>Ngoc</i>	8	9	8,5	Tam Rút
33	1110140155	Lê Thị Bích	Ngọc	28/02/1993	<i>Bich</i>	6	7	6,5	Sau Rút
34	1110140156	Nguyễn Võ Kim	Ngọc	21/01/1993	<i>Kim</i>	9	9	9	Chín
35	1110140157	Phan Phước	Ngọc	02/11/1993	<i>Phuoc</i>	9	7	7,5	Bay Rút
36	1110140159	Trần Diệu	Ngọc	11/11/1993	<i>Ngoc</i>	8	7	7,5	Bay Rút
37	1110140160	Trần Thị Như	Ngọc	19/12/1993	<i>Thu</i>	8	5	6	Sau
38	1110140162	Phạm Thị Bảo	Ngọc	31/12/1993	<i>Ngoc</i>	9	5	6	Sau
39	1110140163	Vũ Thị Hồng	Nguyên	20/12/1993	<i>Hong</i>	7	4	5	Nam
40	1110140164	Vũ Thị	Nhân	27/02/1992	<i>Thi</i>	7	6	6,5	Sau Rút
41	1110140165	Nguyễn Phượng	Nhi	22/10/1993	<i>Phuong</i>	5	6	5,5	Nam Rút
42	1110140166	Nguyễn Võ Ngọc Yến	Nhi	25/11/1993	<i>Yen</i>	10	9	9,5	Chín Rút
43	1110140167	Võ Thị Lệ	Nhi	05/08/1993	<i>Le</i>	7	6	6,5	Sau Rút
44	1110140170	Huỳnh	Như	01/07/1993	<i>Huynh</i>	9	9	9	Chín
45	1110140172	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	12/10/1993	<i>Quynh</i>	9	9	9	Chín
46	1110140173	Lê Thị Quỳnh	Như	20/03/1993	<i>Quynh</i>	8	7	7,5	Bay Rút
47	1110140174	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	22/09/1993	<i>Tuyet</i>	6	6	6	Sau
48	1110140175	Trần Thị Hồng	Nhung	16/09/1992	<i>Hong</i>	9	4	5,5	Nam Rút
49	1110140176	Lê Thị Cẩm	Nhung	11/10/1993	<i>Cam</i>	7	3	4,5	Bón phẩy hai
50	1110140177	Ngô Thị Mỹ	Nhung	28/03/1993	<i>My</i>	6	3	3,9	Ba phẩy chín
51	1110140178	Đồng Thanh	Ni	21/12/1993	<i>Thanh</i>	6	5	5,5	Nam Rút
52	1110140179	Huỳnh Hồng	Điểm	30/05/1992	<i>Hong</i>	6	7	6,5	Sau Rút
53	1110140180	Phạm Thị	Nụ	30/01/1993	<i>Nu</i>	7	3	4,5	Bón phẩy hai
54	1110140181	Nguyễn Thị	Oanh	22/02/1993	<i>Oanh</i>	7	5	5,5	Nam Rút
55	1110140182	Nguyễn Thị Hồng	Oanh	16/06/1993	<i>Hong</i>	7	10	9	Chín
56	1110140183	Nguyễn Thị Kim	Oanh	10/09/1993	<i>Kim</i>	7	9	8,5	Tam Rút
57	1110140184	Lại Thị Hồng	Phấn	15/09/1992	<i>Phan</i>	8	5	6	Sau
58	1110140185	Phan Hưng	Phát	14/11/1992	<i>Hung</i>	7	9	8,5	Tam Rút
59	1110140186	Huỳnh Gia	Phát	06/04/1993	<i>Gia</i>	9	6	7	Bay
60	1110140187	Phạm Tiến	Phát	12/09/1993	<i>Tien</i>	9	7	7,5	Bay Rút

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KÝ TÊN	Điểm học phần		Kết quả	Điểm chữ
						Kiểm tra TS:	Thi TS:		
61	1110140188	Lê Minh	Phát	29/03/1993	Phát	5	8	6,5	Sau Rớt.
62	1110140189	Nguyễn Thị Yến	Phi	07/02/1993	Yến	9	9	9	Chín.
63	1110140190	Nguyễn Mạnh	Phi	20/09/1993	Mạnh	6	6	6	Sáu.
64	1110140192	Tăng Thanh	Phong	10/03/1992	Phong	7	7	7	Bảy.
65	1110140193	Phạm Ngọc	Phong	01/05/1993	Phong	6	5	5,5	Năm Rớt.
66	1110140194	Nguyễn Hoàng Thúy	Phượng	19/11/1993	Thúy	8	10	9,5	Chín Rớt.
67	1110140195	Nguyễn Hoàng	Phượng	04/10/1993	Hoàng	10	6	8	Bảy.
68	1110140199	Ngô Thị	Phượng	23/04/1993	Phượng	10	8	8,5	Tám Rớt.
69	1110140200	Vũ Thị Việt	Phượng	30/11/1993	Việt	9	10	9,5	Chín Rớt.
70	1110140202	Dương Trần Huệ	Phước	06/04/1993	Huệ	9	3	5	Năm
71	1110140203	Võ Thị Yến	Phụng	03/12/1993	Yến	8	6	5	Năm
72	1110140204	Ngô Thị Hoàng	Phụng	27/04/1992	Phụng	9	7	7,5	Bảy Rớt.
73	1110140205	Cao Châu Kim	Phụng	08/06/1993	Kim	8	4	5	Năm
74	1110140206	Phạm Lê Tiểu	Phụng	07/04/1993	Tiểu	10	8	8,5	Tám Rớt.
75	1110140207	Vũ Thị Hồng	Phúc	31/03/1993	Hồng	6	9	8	Tám.
76	1110140208	Phan Hồng	Phúc	26/03/1993	Hồng	9	10	9,5	Chín Rớt.
77	1110140209	Dương Quốc	Quân	13/05/1993	Quốc	10	6	8	Bảy.
78	1110140211	Hồ Tấn	Quốc	26/12/1993	Tấn	8	9	8,5	Tám Rớt.
79	1110140212	Trần Anh Hoàng	Quyên	25/06/1993	Quyên	10	10	10	Mười.
80	1110140213	Ngô Nguyễn Xuân	Quỳnh	10/07/1993	Xuân	6	5	5,5	Năm Rớt.
81	1110140214	Bùi Thị Ngọc	Quý	10/08/1992	Ngọc	9	9	9	Chín.
82	1110140215	Lê Thị Kim	Quý	12/11/1993	Kim	10	9	9,5	Chín Rớt.
83	1110140216	Trần Thị Ngọc	Sang	16/04/1993	Ngọc	9	5	6	Sáu.
84	1110140217	Võ Thị Minh	Tâm	29/05/1993	Minh	10	6	8	Bảy.
85	1110140218	Trần Thị Thu	Tâm	16/11/1993	Thu	9	4	5,5	Năm Rớt.
86	1110140219	Nguyễn Hoàng	Tấn	16/10/1993	Hoàng	7	6	6,5	Sáu Rớt.
87	1110140220	Nguyễn Nhật	Tân	27/10/1993	Nguyệt	7	9	8,5	Tám Rớt.
88	1110140221	Đỗ Minh	Tân	20/11/1993	Minh	8	10	9,5	Chín Rớt.
89	1110140222	Vũ Nhật	Tân	19/08/1991	Nguyệt	8	10	9,5	Chín Rớt.
90	1110140223	Trần Trang Tấn	Tài	21/07/1992	Trang	9	9	9	Chín.
91	1110140225	Đoàn Quang Duy	Tài	24/09/1993	Quang	7	4	5	Năm
92	1110140226	Trương Văn	Tài	07/04/1992	Văn	8	5	6	Sáu.
93	1110140227	Vũ Đình	Tài	27/08/1993	Đình	7	8	7,5	Bảy Rớt.
94	1110140228	Lê Thị Ngọc	Thanh	13/03/1992	Ngọc	10	10	10	Mười.
95	1110140229	Trần	Thành	21/10/1993	Thành	5	5	5	Năm.

96	1110140230	Nguyễn Minh	Thành	21/10/1991	<u>Thư</u>	6	5	5,5	Năm Rưỡi
----	------------	-------------	-------	------------	------------	---	---	-----	----------

Ngày . 30 . tháng . 11 . năm 2021